TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 38/2019/QĐST-HNGĐ	*G, ngày 27 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Dân sự thụ lý số 41/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2019 giữa:

- Nguyên đơn: **Chị A,** sinh năm 1992
Địa chỉ: Ấp D, xã E, huyện G, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn**: Anh B,** sinh năm 1992
Địa chỉ: Ấp D, xã E, huyện G, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị A và anh B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về hôn nhân: Chị A và anh B thuận tình ly hôn.

2.2 Về con chung: Chị A và anh B thống nhất giao cháu C, sinh ngày 16 tháng 7 năm 2014 cho chị A trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chị A đang trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu C, sinh ngày 16 tháng 7 năm 2014 nên được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu C.

Chị A không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng cho cháu C, sinh ngày 16 tháng 7 năm 2014 nên không đặt ra giải quyết.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

2.3 Về tài sản chung: Chị A và anh B thống nhất đã tự thỏa thuận giải quyết xong, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

2.4 Về nợ chung: Chị A và anh B thống nhất không có và không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

2.5 Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình bằng 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng hòa giải thành nên được giảm 50% bằng 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), chị A tự nguyện nộp. Chị A đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013415 ngày 27 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bạc Liêu nên được chuyển thu án phí 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) và được hoàn lại số tiền chênh lệch 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bạc Liêu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện G;
- THADS huyện G;
- UBND xã E, huyện G;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

ĐÃ KÝ

Lê Thị Mỹ Xuyến